3. Look, read and tick (nhìn số, đọc từ và chọn)

- ☐ one
- ☐ two
- ☐ three

- ☐ five
- ☐ two
- ☐ four

- ☐ three
- ☐ two
- ☐ five

- ☐ one
- ☐ five
- ☐ two

- ☐ one
- ☐ four
- ☐ three

4. Count and choose (đếm đồ vật và chọn đáp án)

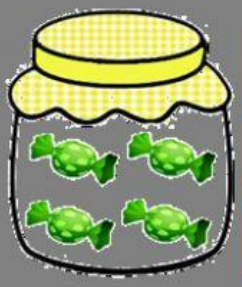

three | four | two

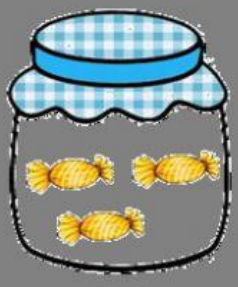

one | five | three

four | five | two

one | five | four

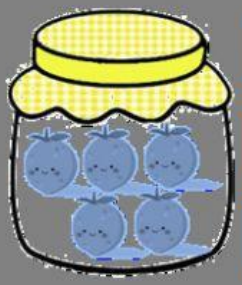

three | five | two

5. Complete the words (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành từ)

1. ___ne
2. tw___
3. thr___e
4. f___ur
5. f___ve

LIVEWORKSHEETS